

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2017/HSST
Ngày 27-7-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Kim Oanh.

2. Bà Nguyễn Thụy Vân Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng An, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 130/2017/HSST ngày 28 tháng 4 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2017/HSST-QĐ ngày 25 tháng 5 năm 2017 đối với bị cáo:

Trịnh Đăng Kh, sinh năm 1988, tại tỉnh Hà Nam; thường trú: Xóm C, xã AN, huyện BL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; con ông Trịnh Thanh H, sinh năm 1939 và bà Cao Thị T, sinh năm 1939; bị cáo có 06 anh chị ruột, lớn sinh năm 1967, nhỏ sinh năm 1986; có vợ tên Nguyễn Thị N, sinh năm 1988, có 01 con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam NKH, huyện HL, tỉnh Ninh Bình, theo Bản án số 118/2013/HSST ngày 29/11/2013 của Tòa án nhân dân thành phố PL, tỉnh Hà Nam xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Công ty trách nhiệm hữu hạn may XH; có trụ sở: Khu phố B Đ, phường B H, thị xã Th A, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1982; chức vụ: Trưởng phòng xuất nhập khẩu công ty. Thường trú: Thôn LT, xã PD, huyện NP, tỉnh Ninh Thuận; tạm trú: Số 52, đường H, khu phố N, phường HBC, quận Th Đ, thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 06/4/2012), vắng mặt.

- Bị đơn dân sự: Công ty trách nhiệm hữu hạn giao nhận vận tải D H; có trụ sở: Số 120 đường HD, phường BC, quận TĐ, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân D; chức vụ: Giám đốc; thường trú: Số 84, tổ N, phường Tr Th, thành phố ND, tỉnh Nam Định; tạm trú: Số 94/17 khu phố BD 3, phường AB, thị xã DA, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Bùi Văn C, sinh năm 1968; thường trú: Đội M, xã HL, huyện HH, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Khu phố BD 1, phường AB, thị xã DA, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Lê Thành T, sinh năm 1978; thường trú: Ấ M, xã Th S, huyện Đ Q, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: Số 94/17 khu phố BD 3, phường AB, thị xã DA, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thành T là công nhân công ty may gia công M Ph. Khoảng đầu tháng 4/2012, T được công ty điều đến công ty TNHH may XH để giao nhận hàng gia công thì gặp Trịnh Đăng Kh là lái xe của Công ty TNHH giao nhận vận tải D H (Công ty TNHH giao nhận vận tải D H là công ty vận tải hàng hóa cho công ty TNHH may X H). Khi gặp T, Kh hỏi “Có biết nơi nào tiêu thụ vải cây không?” thì T nói “biết”. Kh nói với T khi nào đi chợ hàng mà lấy được vải cây sẽ liên lạc với T kêu người đến mua vải dùm. Sau đó T và Kh cho số điện thoại cho nhau. Sau khi Kh nhờ tìm nơi tiêu thụ vải thì T gọi điện về công ty M Ph xin số điện thoại của tên Ta (chưa rõ nhân thân, lai lịch) là 0937.604.146 và điện thoại hỏi Ta “có mua vải cây không” thì Ta trả lời “có”. T hẹn Ta khi nào có vải sẽ điện thoại cho Ta đến mua. Vài ngày sau, T gặp Kh tại tiệm sửa xe gần công ty TNHH may X H, Kh nói với T “tuần sau đi kéo hàng sẽ lấy cấp vải cây và kêu T tìm người tiêu thụ”, Kh cắt 01 miếng vải mẫu đưa cho T. Kh hẹn T khi nào có vải sẽ điện thoại cho T kêu người đến mua.

Ngày 04/4/2012, ông Phạm Ngọc Đ là trưởng phòng xuất nhập khẩu công ty TNHH may X H giao hóa đơn, chứng từ cho Kh xuống cảng C L, thành phố Hồ Chí Minh chờ hàng về công ty TNHH may X H. Kh nhận hóa đơn, chứng từ và rủ thêm 01 phụ xe (chưa rõ nhân thân, lai lịch) điều khiển xe đầu kéo biển số 51C-17811 xuống cảng C L chờ hàng. Sau khi nhận 979 cây vải trong container từ C L, trên đường điều khiển xe đầu kéo biển số 51C-17811 về công ty TNHH may X H thì Kh điện thoại cho T kêu người đến mua vải và hẹn gặp nhau tại khu vực cầu vượt S Th, thị xã DA. Lúc này T điện thoại cho Ta đến mua vải. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển số 61H2-1190 (xe này T mượn của anh Nguyễn Đại Ph) đến khu vực cầu vượt S Th chờ Ta để dẫn Ta đến gặp Kh mua vải. Đối với Ta, sau khi nhận được điện thoại của T thì Ta thuê 01 xe tải (không xác định được biển số) đi đến khu vực cầu vượt S Th để chờ vải. Khi gặp Ta, T nói với Ta “mua bớt 02 giá của Kh để T hưởng chênh lệch”. Sau khi xem vải, Ta trả cho Kh 40.000 đồng/kg thì Kh đồng ý bán. Lúc này Kh, T, Ta cùng 02 người lái xe và phụ xe lấy 46 cây vải từ container chuyển xuống xe tải. Ta trả cho Kh 30.000.000 đồng. Kh cho T 1.000.000 đồng. Sau đó, T đến ngã tư Ga thuộc địa bàn quận MH, thành phố Hồ Chí Minh, Ta trả cho T 16.500.000 đồng, tiền chênh lệch mà T thỏa thuận trước với Ta, T cho người lái xe tải 500.000 đồng.

Ngày 05/4/2012, sau khi kiểm tra phát hiện mất vải, Công ty TNHH may X H mời Kh đến làm việc, ban đầu Kh không khai nhận hành vi trộm cắp tài sản. Công ty TNHH may X H mời Công an phường BH, Kh sang phòng khách ngồi rồi leo tường rào bỏ trốn. Sau đó, Kh điện thoại cho ông Đ thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản.

Căn cứ vào biên bản kết luận định giá số 127/BB.ĐG ngày 24/5/2012 của Hội đồng định giá thị xã DA, tỉnh Bình Dương kết luận: 46 cây vải của Công ty trách nhiệm hữu hạn may X H có giá trị thực tế là 129.993.815 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì kết luận định giá số 127/BB.ĐG ngày 24/5/2012 của Hội đồng định giá thị xã DA, tỉnh Bình Dương.

Ngày 13/8/2012, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã DA, tỉnh Bình Dương khởi tố bị can sau đó ra quyết định truy nã đối với Trịnh Đăng Kh về tội Trộm cắp tài sản. Đến ngày 16/02/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã DA, tỉnh Bình Dương ra quyết định phục hồi điều tra.

Đối với bị cáo Lê Thành T đã được Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử 02 năm 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản” theo bản án số 331/2012/HSST ngày 18/10/2012.

Đối với Nguyễn Đại Ph không biết T mượn xe mô tô biển số 61H2-1190 chở Ta đi mua tài sản trộm cắp nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương không đề cập xử lý.

Đối với Bùi Văn C không biết Kh và đồng phạm khác mượn địa điểm để làm nơi giao nhận vải trộm cắp nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương không đề cập xử lý.

Đối với tên Ta và 01 người lái xe tải (hiện chưa rõ nhân thân, lai lịch) nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương đang tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau.

Tại Cáo trạng số 129/QĐ-KSĐT ngày 22 tháng 4 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố Trịnh Đăng Kh về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trịnh Đăng Kh về tội “Trộm cắp tài sản” đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm e Khoản 2 Điều 138, Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điểm a Khoản 1 Điều 50, Khoản 1 Điều 51; Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Đăng Kh từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Tổng hợp hình phạt 08 năm 06 tháng tù theo Bản án số 118/2013/HSST ngày 29/11/2013 của Tòa án nhân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết theo bản án 331/2012/HSST ngày 18/10/2012 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Do có thỏa thuận trước với Lê Thành T về việc tìm người mua vải cây khi Kh đi chở hàng cho Công ty TNHH may X H. Ngày 04/4/2012, ông Phạm Ngọc Đ là trưởng phòng xuất nhập khẩu công ty TNHH may X H giao hóa đơn, chứng từ cho Kh xuống cảng C L, thành phố Hồ Chí Minh chở hàng về công ty TNHH may X H. Kh nhận hóa đơn, chứng từ và rủ thêm 01 phụ xe (chưa rõ nhân thân, lai lịch) điều khiển xe đầu kéo biển số 51C-17811 xuống cảng C L chở hàng. Sau khi nhận 979 cây vải trong container từ C L, trên đường điều khiển xe đầu kéo biển số 51C-17811 về công ty TNHH may X H thì Kh điện thoại cho T kêu người đến mua vải và hẹn gặp nhau tại khu vực cầu vượt S Th, thị xã DA. Lúc này T điện thoại cho T đến mua vải. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển số 61H2-1190 (xe này T mượn của anh Nguyễn Đại Ph) đến khu vực cầu vượt S Th chờ Ta để dẫn Ta đến gặp Kh mua vải. Đối với Ta, sau khi nhận được điện thoại của T thì Ta thuê 01 xe tải (không xác định được biển số) đi đến khu vực S Th để chở vải. Khi gặp Ta, T nói với Ta “mua bớt 02 giá của Kh để T hưởng chênh lệch”. Sau khi xem vải, Ta trả cho Kh 40.000 đồng/kg thì Kh đồng ý bán. Lúc này, Kh, T, Ta cùng 02 người lái xe và phụ xe lấy 46 cây vải từ container chất xuống xe tải. Ta trả cho Kh 30.000.000 đồng. Kh cho T 1.000.000 đồng. Sau đó, T đến ngã tư Ga thuộc địa bàn quận MH, thành phố Hồ Chí Minh, Ta trả cho T 16.500.000 đồng, tiền chênh lệch mà T thỏa thuận trước với Ta, T cho người lái xe tải 500.000 đồng. Ngày 05/4/2012, sau khi kiểm tra phát hiện mất vải, Công ty TNHH may X H mời Kh đến làm việc, ban đầu Kh không khai nhận hành vi trộm cắp tài sản. Sau đó công ty TNHH may X H mời Công an phường B H, thị xã Th A làm việc với Kh thì Kh sang phòng khách ngồi rồi leo tường rào bỏ trốn. Sau đó, Kh điện thoại cho ông Đ thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản. Tài sản bị chiếm đoạt 46 cây vải trị giá 129.993.815 đồng

Theo quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự thì “ Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

a) Có tổ chức

b)

e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến hai trăm triệu đồng”.

Như vậy, hành vi trên đây của bị cáo Trịnh Đăng Kh đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ Luật Hình sự.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng trong quá trình điều tra và các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Như

vậy, Cáo trạng số 129/QĐ-KSĐT ngày 22 tháng 4 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên truy tố bị cáo Trịnh Đăng Kh về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm e Khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi của bị cáo Trịnh Đăng Kh cùng đồng phạm lợi dụng sự sơ hở của Công ty TNHH may X H, bị cáo lén lút chiếm đoạt 46 cây vải có giá trị thực tế là 129.993.815 đồng là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của nguyên đơn dân sự được pháp luật bảo vệ. Về nhận thức bị cáo hoàn toàn biết hành trộm cắp tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vì lòng tham, muốn kiếm tiền nhanh chóng không phải lao động để phục vụ nhu cầu bản thân mà bị cáo cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tù tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ nên không coi là phạm tội có tổ chức. Trong vụ án này, bị cáo Khoa là người khởi xướng, rủ rê tạo điều kiện thuận lợi để bị cáo Tuấn thực hiện tội phạm. Bị cáo Tuấn tham gia với vai trò đồng phạm thực hành tích cực, trực tiếp tham gia lấy tài sản.

Tình tiết tang nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn hối cải nên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về nhân thân: Quá trình điều tra, bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố, khi bỏ trốn bị cáo đã phạm tội mới bị Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xử phạt 08 năm 06 tháng tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (Bản án đã có hiệu lực thi hành, nhưng không tính tiền án cho bị cáo do hành vi phạm tội diễn ra sau vụ án đang xét xử).

Đối với bị cáo Lê Thành T đã được Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 331/2012/HSST ngày 18/10/2012.

Đối với Nguyễn Đại Ph không biết T mượn xe mô tô biển số 61H2-1190 chở Ta đi mua tài sản trộm cắp và Bùi Văn C không biết Kh và đồng phạm khác mượn địa điểm để làm nơi giao nhận vải trộm cắp nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương không đề cập xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Đối với tên Ta và 01 người lái xe tải (hiện chưa rõ nhân thân, lai lịch) nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương đang tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết theo bản án 331/2012/HSST ngày 18/10/2012 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra đối với bị cáo về các tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt, nhân thân và trách nhiệm dân sự. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Đăng Kh phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Điểm e Khoản 2 Điều 138; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điểm a Khoản 1 Điều 50, Khoản 1 Điều 51; Điều 53 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trịnh Đăng Kh 03 (ba) năm tù. Tổng hợp hình phạt 08 năm 06 tháng tù theo Bản án số 118/2013/HSST ngày 29/11/2013 của Tòa án nhân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam thành hình phạt chung của hai bản án là 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 08/7/2013).

2. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm a, c Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trịnh Đăng Kh phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Hội đồng xét xử sơ thẩm

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa